



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

#### 1.1. Định danh sản phẩm

Tên thương mại : HUNTEX CBAU-06; CBAU-07.  
Tên hóa học : Hỗn hợp nhựa Polyacrylate và dung môi.

#### 1.2. Khuyến nghị sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Khuyến nghị sử dụng : Phụ trợ dệt may.  
Hạn chế sử dụng : Không biết.

#### 1.3. Chi tiết về nhà cung cấp bằng dữ liệu an toàn

Công ty : CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HÙNG XƯƠNG.  
Số điện thoại : +84 272 377 8055/56  
Số fax : +84 272 377 80  
E-mail : info@hungxuong.com

#### 1.4. Thông tin khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : +84 272 377 8055  
Thông tin :

### 2. Nhận dạng mối nguy hại

#### 2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại GHS theo Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT

Nhóm sự cố	Loại	Nhóm sự cố và phân loại	Cảnh báo nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	2	Flam. Liq. 2	H225
Ăn mòn/kích ứng da	2	Skin Corr./Irrit. 2	H315
Độc tính sinh sản	2	Repr. 2	H361
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	3	STOT - SE 3	H336
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại	2	STOT - RE 2	H373
Nguy hại hô hấp	1	Asp. Tox. 1	H304

#### 2.2. Các thành phần nhãn

Các thành phần nhãn GHS



Hình đồ cảnh báo : GHS05, GHS07, GHS08  
Từ cảnh báo : Nguy hiểm  
Cảnh báo nguy cơ : H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.  
H315 Gây kích ứng da.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0

SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022

Ngày in:

	H361	Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.
	H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
	H373	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phổi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
	H304	Có thể chết nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.
Các công bố về phòng ngừa :		
Phòng ngừa	: P201	Cần được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
	P202	Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
	P210	Tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
	P233	Giữ bao bì đóng kín.
	P240	Giữ thùng chứa, thiết bị tiếp đất.
	P241	Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/chống cháy nổ.
	P242	Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa.
	P243	Có biện pháp phòng ngừa tích điện.
	P260	Không được hít bụi/khói/khí/sương mù/hơi/sương.
	P264	Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.
	P271	Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí.
	P280	Mang găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
Lưu ý khi tiếp xúc	: P301+P330+P331 +P310	NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. Không gây nôn. Gọi ngay cho trung tâm chống độc hoặc bác sỹ/nhân viên y tế.
	P303+P361+P352	NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.
	P363	Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
	P332+P313	Nếu xảy ra kích ứng da: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
	P304+P340+P312	NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp. Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sỹ/ nhân viên y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
	P314	Hỏi ý kiến tư vấn y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

	P305+P351+P338	NẾU VÀO MẮT: Rửa ngay bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục xả.
	P308+P313	Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
	P370+P378	Trong trường hợp cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô hoặc bột để dập lửa.
Bảo quản	: P235	Giữ lạnh.
	P403+P233	Lưu trữ trong môi trường thông thoáng. Giữ bao bì đóng kín.
	P405	Lưu trữ có khóa chặt.
Thải bỏ	: P501	Thải bỏ chất thải/bao bì theo quy định của quốc gia.

### 2.3. Các mối nguy hiểm khác

Không biết.

## 3. Thông tin về thành phần các chất

### 3.1. Đơn chất

-

### 3.2. Hỗn hợp

Thông tin về các thành phần/Các thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (%)	Phân loại GHS
Toluene	108-88-3	85	Flam. Liq. 2, H225 Skin Irrit. 2, H315 Asp. Tox. 1, H304 STOT - SE. 3, H336 STOT - RE. 2, H373 Repr. 2, H361 (Tham khảo <a href="https://echa.europa.eu/brief-profile/-/briefprofile/100.003.297">https://echa.europa.eu/brief-profile/-/briefprofile/100.003.297</a> )
Polyacrylate resin	25852-37-3	15	Không được phân loại (Tham khảo <a href="https://echa.europa.eu/substance-information/">https://echa.europa.eu/substance-information/</a> )

## 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

### 4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

Lời khuyên chung : Nếu cần tư vấn y tế, hãy cung cấp tài liệu SDS cho bác sĩ.  
Hít phải : Di chuyển nạn nhân ra khỏi nơi tiếp xúc hoặc di chuyển đến khu vực thông thoáng. Nếu có biểu hiện khó thở, cần được tư vấn y tế.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

- Tiếp xúc với da : Sau khi tiếp xúc với da, rửa sạch bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo, giày dép và phụ kiện bị nhiễm bẩn.
- Tiếp xúc với mắt : Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và để dễ dàng làm. Tiếp tục xả. Nếu kích ứng mắt vẫn còn – Nhận sự tư vấn/chăm sóc y tế.
- Nuốt phải : Trong trường hợp nuốt phải, súc miệng bằng nước, uống nhiều nước. Giữ yên, không gây nôn. Nếu cảm thấy không khỏe, hãy tìm lời khuyên y tế.
- 4.2. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**  
Các triệu chứng : Không có gọi ý đặc biệt.
- 4.3. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm trễ**  
Điều trị theo triệu chứng.

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- 5.1. Phương tiện chữa cháy phù hợp**  
Phương tiện chữa cháy thích hợp: phun nước, bọt, bột khô, CO<sub>2</sub>.  
Phương tiện chữa cháy không phù hợp: không có sẵn dữ liệu.
- 5.2. Những mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp**  
Chất lỏng và hơi rất dễ cháy. Hơi nặng hơn không khí và có thể lan ra sàn nhà. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí. Hơi có thể di chuyển một khoảng cách đáng kể đến nguồn đánh lửa, nơi chúng có thể bắt lửa, bùng phát trở lại hoặc phát nổ. Bình chứa có thể phát nổ nếu bị đốt nóng.  
Trong trường hợp hỏa hoạn, các chất có thể được giải phóng: cacbon monoxit, cacbon đioxit.
- 5.3. Lời khuyên cho lính cứu hỏa**  
Khi đốt sẽ thải ra khói độc, lính cứu hỏa phải mặc thiết bị thở khép kín và quần áo bảo hộ thích hợp nếu có nguy cơ tiếp xúc với hơi hoặc sản phẩm của quá trình cháy.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- 6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp**  
Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Tránh trượt, không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
- 6.2. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường**  
Thu gom và cho vào một thùng chứa có thể đóng lại. Ngăn chặn dòng chảy vào cống rãnh và đường nước.
- 6.3. Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch**  
Hấp thụ chất lỏng bằng vật liệu hấp thụ, ví dụ: đất, cát và các vật liệu hấp thụ không cháy khác.

## 7. Xử lý và bảo quản

- 7.1. Thận trọng trong xử lý an toàn**  
Lời khuyên về sử dụng an toàn : Mang thiết bị bảo hộ, kính bảo hộ khi làm việc.  
Các biện pháp vệ sinh : Không ăn uống, hút thuốc khi làm việc. Rửa sạch tay trước khi nghỉ giải lao và sau giờ làm việc.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

- Các biện pháp bảo vệ chung : Không hít phải khí/hơi/sol khí. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
- 7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ điều kiện không tương thích nào**
- Phòng chống cháy nổ**
- Thông tin : không cần biện pháp đặc biệt.
- Bảo quản**
- Thông tin : không có.
- Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ:
- Đậy kín vật chứa và bảo quản ở nơi mát, khô ráo và thông thoáng. Bảo quản tránh xa nguồn nhiệt, ngọn lửa, nguồn bắt lửa và các chất không tương thích. Tránh tiếp xúc với axit mạnh, kiềm, chất oxy hóa, cao su và nhựa. Thường xuyên kiểm tra rò rỉ.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo vệ cá nhân

### 8.1. Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm:

Nguyên liệu	CAS-No	Cơ sở luật định	Loại giá trị (Từ mức độ tiếp xúc; Được thể hiện dưới dạng)	Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp
Toluene	108-88-3	(Quyết định.Số.3733/2002/QĐ-BYT)	TWA	100 mg/m <sup>3</sup>
		(Quyết định.Số.3733/2002/QĐ-BYT)	STEL	300 mg/m <sup>3</sup>

### 8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật phù hợp : hoạt động trong khu vực thông gió tốt.

Thiết bị bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt : đeo kính bảo hộ.

Bảo vệ tay : găng tay bảo hộ.

Bảo vệ cơ thể : quần áo bảo hộ lao động và giày bảo hộ lao động.

Bảo vệ đường hô hấp : đeo mặt nạ phòng độc.

Biện pháp vệ sinh : tránh xa thực phẩm. Luôn rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn và các thiết bị bảo hộ khác trước khi cất giữ hoặc sử dụng lại.

## 9. Đặc tính lý hóa của chất

### 9.1. Thông tin về các đặc tính vật lý và hóa học cơ bản

Trạng thái vật lý : chất lỏng nhớt.

Màu sắc : không màu đến hơi vàng.

Mùi : đặc trưng.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

Ngưỡng mùi	: không có dữ liệu.
pH của 1% chất lỏng (25 °C)	: không có dữ liệu.
Điểm nóng chảy	: không có dữ liệu.
Điểm sôi	: không có dữ liệu.
Điểm chớp cháy	: 5 °C - cốc đóng.
Tốc độ bay hơi	: không có dữ liệu.
Tính dễ cháy	: không có dữ liệu.
Giới hạn cháy nổ trên	: không có dữ liệu.
Giới hạn cháy nổ dưới	: không có dữ liệu.
Áp suất hóa hơi	: không có dữ liệu.
Tỉ trọng hơi	: không có dữ liệu.
Tỉ trọng tương đối	: không có dữ liệu.
Độ hòa tan	: tan trong nước.
Hệ số phân tán (n-octanol/nước)	: không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: không có dữ liệu.
Nhiệt phân hủy	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, động học	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, động lực	: không có dữ liệu.
Tính oxy hóa	: không có dữ liệu.

### 9.2. Thông tin khác

Tỉ trọng	: không có dữ liệu.
Ăn mòn kim loại	: không có dữ liệu.

## 10. Mức ổn định và khả năng phản ứng của hóa chất

### 10.1. Khả năng phản ứng

Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

### 10.2. Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định trong điều kiện bình thường.

### 10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí.

### 10.4. Các điều kiện cần tránh

Nhiệt, ngọn lửa, nguồn đánh lửa và các chất không tương thích.

### 10.5. Vật liệu không tương thích

Tránh tiếp xúc với axit mạnh, kiềm và chất oxy hóa.

### 10.6. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Cacbon dioxit, cacbon monoxit có thể hình thành khi sản phẩm bị phân hủy bởi nhiệt.

## 11. Thông tin về độc tính

### 11.1. Thông tin về các tác dụng độc

Độc cấp tính (đường miệng)	: không được phân loại.
Độc cấp tính (hít phải)	: không được phân loại.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

Độc cấp tính (qua da)	: không được phân loại.
Kích ứng/ấn mòn da	: gây kích ứng da.
Tổn thương mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng	: không được phân loại.
Nhạy cảm da	: không được phân loại.
Độc tính gia tăng	: không được phân loại.
<b>Đánh giá CMR</b>	
Khả năng gây ung thư	: không được phân loại.
Tính gây đột biến	: không được phân loại.
Tính gây quái thai	: không được phân loại.
Độc tính với sinh sản	: Bị nghi ngờ làm tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm một lần	: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm nhiều lần	: Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại.
Nguy hại hô hấp	: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

## 12. Thông tin về sinh thái

### 12.1. Độc tính sinh thái

Không có dữ liệu.

### 12.2. Tính bền và khả năng phân hủy

Khả năng phân hủy sinh học (BOD5 / COD): Không có dữ liệu.

Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5): Không có dữ liệu.

Nhu cầu oxy hóa học (COD): Không có dữ liệu.

### 12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Không có dữ liệu.

### 12.4. Khả năng phân tán qua đất

Không có dữ liệu.

### 12.5. Các tác dụng phụ khác

Không có dữ liệu.

## 13. Thông tin về thải bỏ

### 13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Chất thải từ cặn bã: Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp địa phương.

Bao bì bị ô nhiễm: Vứt bỏ các thùng rỗng bị ô nhiễm theo quy định và pháp luật.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

D.O.T Đường bộ/Đường sắt

Số UN

: không áp dụng.





# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

Tên vận chuyển UN : không áp dụng.



Nhãn nguy hiểm :  
Các loại nguy hiểm khi vận chuyển : 3.  
Nhóm đóng gói : II.  
Mối nguy môi trường (Chất gây ô nhiễm biển) : không áp dụng.  
Vận chuyển số lượng lớn : không áp dụng.  
Thận trọng đặc biệt cho người dùng : không áp dụng.  
**Vận tải hàng không ICAO-TI/IATA-DGR**  
Số UN : không áp dụng.  
Tên vận chuyển UN : không áp dụng.



Nhãn nguy hiểm :  
Các loại nguy hiểm khi vận chuyển : 3.  
Nhóm đóng gói : II.  
Mối nguy môi trường : không áp dụng.  
Vận chuyển số lượng lớn : không áp dụng.  
Thận trọng đặc biệt cho người dùng : không áp dụng.  
**Vận tải đường biển IMDG**  
Số UN : không áp dụng.  
Tên vận chuyển UN : không áp dụng.



Nhãn nguy hiểm :  
Các loại nguy hiểm khi vận chuyển : 3.  
Nhóm đóng gói : II.  
Mối nguy môi trường (Chất gây ô nhiễm biển) : không áp dụng.  
Vận chuyển số lượng lớn : không áp dụng.  
Thận trọng đặc biệt cho người dùng : không áp dụng.

## 15. Thông tin về pháp luật

### 15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp

- Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Ngày cấp: 28/12/2017.
- Quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa - số: 44/2012/TT-BCT - Ngày ban hành 28/12/2012.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN05: 2013/BTNMT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh - QCVN06: 2009/BTNMT.





# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CBAU-06; CBAU-07



Version 2.0  
SDS chuẩn bị ngày: 20/10/2022  
Ngày in:

- Quy định về ghi nhãn hóa chất trên cơ sở GHS theo Thông tư số 32/2017/TT/BCT.
- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động tại nơi làm việc - Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - giá trị giới hạn phơi nhiễm cho phép đối với 50 hóa chất tại Thông tư số 10/2019-TT-BYT.

### 16. Thông tin cần thiết khác

Thông tin trong tờ này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có nhưng không có trách nhiệm pháp lý.

SDS chuẩn bị vào : 20/10/2022.

Ngày sửa đổi :

Phiên bản 2.0

Chú giải:

TWA: Giới hạn tiếp xúc ca làm việc.

STEL: Giới hạn tiếp xúc ngắn.

IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.

ICAO: Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế.

IMDG: Hàng hóa Nguy hiểm Hàng hải Quốc tế.

Flam. Liq. 2: Chất lỏng dễ cháy, nguy hiểm loại 2.

Skin Corr./Irrit. 2: Ăn mòn/kích ứng da, nguy hiểm loại 2.

Skin Irrit. 2: Ăn mòn da, nguy hiểm loại 2.

Repr. 2: Độc tính sinh sản, nguy hiểm loại 2.

STOT - SE 3: Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn, nguy hiểm loại 3.

STOT - RE 2: Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại, nguy hiểm loại 2.

Asp. Tox. 1: Nguy hại hô hấp, nguy hiểm loại 1.

H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.

H315 Gây kích ứng da.

H361 Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.

H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.

H304 Có thể chết nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

H350 Có thể gây ung thư.

**HẾT**